

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST

Ngày: 18/7/2025

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng cung
ứng dịch vụ thanh toán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

2. Ông Trần Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 1 - Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai tham gia phiên
tòa:** Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng
Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 606/2024/TLST-DS
ngày 13 tháng 6 năm 2024, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh
toán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng
6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1799/2025/QĐST-DS ngày
27/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Trung T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: A tổ B, khu phố B, phường T, thành phố B (nay là phường B), tỉnh
Đồng Nai.

- Bị đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà M - số A L, phường T, quận C (cũ) nay là phường T,
Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T1 – Chủ tịch Hội đồng quản
trị.

Địa chỉ Chi nhánh tại Đồng Nai: Lô K, đường V, phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tuấn K, **sinh năm 1992**.

Địa chỉ: số B, T, phường C, Quận A (cũ) nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Trung T trình bày:

Ngày 15/12/2022, ông T có mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q – Chi nhánh Đ, với loại tài khoản là MB eBanking và thẻ tín dụng MB Visa Hybrid, T2 đã được Ngân hàng in sẵn tại Chi nhánh (không có in nổi tên của ông) giao cho ông T sử dụng.

Vào tối khuya ngày 26/01/2023, có 02 tin nhắn từ Ngân hàng M trừ tiền tài khoản của ông T với tổng tiền 1.300 USD, tương ứng với số tiền đang có trong tài khoản của ông là 31.524.584 đồng, mặc dù ông T không hề thực hiện bất kỳ giao dịch thanh toán Online nào hoặc tắt toán tài khoản tiết kiệm. Số tiền 31.524.584 đồng trong tài khoản của ông T bị tự động trừ đi mà ông không thực hiện giao dịch, cũng không nhận được mã OTP xác thực theo quy trình giao dịch thông thường. Sau khi phát hiện sự việc, ông T đã liên hệ Ngân hàng yêu cầu làm rõ và hoàn trả tiền cho ông, nhưng Ngân hàng không nhận trách nhiệm và đề nghị ông tự làm việc với Công an. Ông T đến Ngân hàng làm việc thì Ngân hàng gửi cho ông 01 biểu mẫu tờ khai thông tin (hoàn toàn bằng tiếng Anh), ông T cũng nhanh chóng trả lời và tiếp tục chờ đợi phản hồi của Ngân hàng, tuy nhiên sau đó Ngân hàng cũng không có bất kỳ phản hồi nào liên quan đến yêu cầu của ông đối với số tiền bị mất. Ông T đã liên hệ với Ngân hàng nhưng Ngân hàng né tránh không xử lý, cũng không hoàn trả tiền cho ông.

Do đó, ông T khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q phải hoàn trả cho ông T số tiền 31.524.584 đồng và trả lãi suất của số tiền trên theo mức lãi suất không kỳ hạn tính từ ngày 26/01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q phải trả cho ông tổng cộng số tiền là 36.000.000đ (trong đó 31.524.584 đồng là tiền bị trừ trong tài khoản và 4.435.000đ tiền lãi; làm tròn số tổng cộng là 36.000.000đ).

*- Theo văn bản trình bày ý kiến bên bị đơn tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông **Nguyễn Tuấn K** trình bày:*

Về thông tin mở tài khoản và thẻ của ông Trần Trung T tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (viết tắt là MB) và quá trình thực hiện giao dịch Thẻ Visa của ông T như sau:

Ngày 16/10/2022, ông Trần Trung T có mở thẻ VISA HYBRID (Số thẻ 484804XXXXXX8352 - ID thẻ: 111897392) tại M, định danh trên kênh EBanking, ngày định danh và kích hoạt thẻ là 19/12/2022.

Theo dữ liệu ghi nhận từ hệ thống MB: log thì ông T thực hiện thao tác mở và định danh ID thẻ Visa trên qua App ở thiết bị iPhone 12 Pro-151222 với PTTX là DOTP lúc: 19/12/2022 3:31:20 PM, như sau:

(Thẻ VISA HYBRID là thẻ tích hợp thẻ tín dụng và thẻ ATM trên cùng một chip. Dòng thẻ này cho phép chủ thẻ sử dụng đa nguồn tiền và giao dịch với tất cả phương thức như rút tiền ATM (trong và ngoài nước), chi tiêu qua POS, thanh toán online).

Ngày 15/12/2022, ông Trần Trung T có mở tài khoản online số 0779717724. Theo dữ liệu ghi nhận từ hệ thống của MB, tài khoản số 0779717724 được mở qua APP MB và thực hiện mở qua thiết bị iPhone 12 Pro với device ID là: 92ECCD8B-F4E9-4941-8874- 0214C9DCB872. Ông T mở tài khoản Online bằng giấy tờ tùy thân là: 272433751 và hình ảnh có được lưu trên ECM (file đính kèm). Giao kết hợp đồng điện tử với MB.

Đêm khuya ngày 26/01/2023 và ngày 27/01/2023, ông T có thực hiện 02 giao dịch thanh toán online trên Facebook với số tiền lần lượt là 300 USD (tương đương 7.042.501 đồng) và 1.000 USD (tương đương 23.475.005 đồng) bằng thẻ VISA HYBRID. Giao dịch thanh toán được thực hiện bằng cách nhập thông tin trên thẻ như số Thẻ, CVV, Ngày hết hạn. Để giao dịch thành công bắt buộc chủ thẻ phải nhập số CVV là mã bảo mật chỉ có ông T mới biết mã bảo mật này để thực hiện giao dịch online (MB là bên cung cấp dịch vụ thẻ cũng không biết mã bảo mật này).

"CVV (Card Verification V) là một mã bảo mật gồm 3 hoặc 4 chữ số được in ở mặt sau của thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ, thường ở phía sau dải chữ ký hoặc phải đăng nhập vào App M1 từ tài khoản của chính ông T. Mã này được sử dụng để xác minh rằng người đang thực hiện giao dịch trực tuyến hoặc qua điện thoại là chủ sở hữu hợp pháp của thẻ".

Đối với 02 giao dịch sau:

Ngày 27/01/2023	FT23027007917236	774,675.00	RetailVisa-897440-1000-US SD-3026151 43208
Ngày 27/01/2023	FT23027227435471	232,403.00	RetailVisa-897444-300-US D-30261572 6692

Là phí chuyển đổi ngoại tệ cho hai giao dịch 300USD (tương đương 7.042.501 đồng) và 1.000 USD (tương đương 23.475.005 đồng) nói trên.

Đối với việc thanh toán bằng việc sử dụng thẻ Visa trên toàn hệ thống ngân hàng đều sử dụng biện pháp bảo mật bằng mã số CVV (chỉ ông T mới là người biết mã số này và ông T chịu trách nhiệm bảo mật thông tin này). Do đó, việc ông T cho rằng không thực hiện giao dịch nêu trên là không đúng.

(Đối với thẻ VISA HYBRID của ông T, các thông tin như số Thẻ, CVV, Ngày hết hạn không được in trên thẻ. Các thông tin này được nằm trong M1, chỉ có ông T mới đăng nhập được App M1 từ tài khoản của Ông để xem các thông tin thẻ VISA HYBRID. Khi ông T muốn xem thông tin thẻ này bắt buộc phải nhập mã OTP được gửi qua số điện thoại ông đã đăng ký là 0779717724).

Ngoài ra, Facebook đã gửi chứng từ giao dịch giữa ông T và Facebook đã thành công, do đó, yêu cầu bồi thường lại tiền của ông T là không có cơ sở (kết quả do Facebook trả đính kèm). Ông T có thể sử dụng chứng từ để khởi kiện/khiếu nại lên Facebook.

Qua tra soát giao dịch thẻ của ông T, cho thấy ông T cũng đã nhiều lần thực hiện giao dịch thanh toán tương tự trên trang Facebook trước đó và không có khiếu nại.

MB không có lỗi trong việc cung cấp dịch vụ, bảo đảm đúng nguyên tắc quy định của pháp luật về giao dịch ngân hàng điện tử:

- + MB là đơn vị cung cấp dịch vụ được cấp phép;
- + MB cung cấp dịch vụ đúng quy định pháp luật;
- + Không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh tài khoản của ông T bị chuyển tiền trái với chỉ định của ông T hoặc MB tự ý chuyển tiền từ tài khoản của ông T. MB không có lỗi trong việc cung cấp dịch vụ, bảo đảm đúng nguyên tắc quy định của pháp luật về giao dịch ngân hàng điện tử:

Do đó, việc ông T cho rằng không thực hiện giao dịch và yêu cầu MB phải chịu trách nhiệm về số tiền ông T cho rằng bị mất là hoàn toàn không có cơ sở. Không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện giao dịch không do ông T thực hiện. Giao dịch của ông T được thực hiện vào ngày 27/01/2023, tuy nhiên, đến ngày 02/01/2024 ông T mới đến M để gửi đề nghị tra soát. Đã quá thời hạn tra soát và khiếu nại, nhưng MB vẫn hỗ trợ ông Thuận T3 soát phản hồi như sau:

M đã phản hồi ông T có chạy quảng cáo trên facebook nên bị trừ tiền. Ông T cho rằng MB không có phản hồi khi ông có khiếu nại là hoàn toàn không đúng. MB đã có phản hồi và có gửi tra soát giao dịch, kết quả tra soát hoàn trả là: «giao dịch giữa ông T và Facebook đã thành công, không thể hoàn trả tiền đã thanh toán». Kết quả tra soát Facebook đã gửi đính kèm.

Từ những phân tích trên, MB đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp ông T không đồng ý với giao dịch thanh toán quảng cáo trực tuyến tại Facebook thì có thể tiến hành khởi kiện Facebook để bảo vệ quyền lợi, MB sẵn sàng cung cấp chứng từ có liên quan đến giao dịch.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự:

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy nguyên đơn ông Trần Trung T khởi kiện bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (MB) là không có cơ sở, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc ông T phải chịu án phí có giá ngạch theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Trần Trung T nộp đơn khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây viết tắt là M) yêu cầu bồi thường số tiền gửi bị mất trong tài khoản và có đơn lựa chọn thẩm quyền Tòa án giải quyết là nơi ông T mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q – Chi nhánh Đ, có địa chỉ tại: Lô K, đường V, phường T, thành phố B (cũ) nay là phường T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ **khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40** Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Trần Trung T về việc yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (MB) phải bồi thường số tiền của ông bị mất trong tài khoản số 0779717724 được mở tại MB trong quá trình sử dụng dịch vụ của ngân hàng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán*” theo quy định tại Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi năm 2017).

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

[3.1] Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp, thể hiện:

Ngày 15/12/2022, ông T có ký hợp đồng số: OB-272433751 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tại Chi nhánh Đ để sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán, thẻ, dịch vụ ngân hàng số (theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán, thẻ, dịch vụ ngân hàng số - dành cho ông cá nhân. Mã khách hàng số: 24313226 ngày 15/12/2022). Tài khoản thanh toán gắn với thẻ: 0779717724; Loại thẻ: VISA HYBRID; Hạng thẻ: Modern Youth. Tài khoản số 0779717724 của ông T được mở qua App MB và thực hiện mở qua thiết bị iPhone 12 Pro với device ID là: 92ECCD8B-F4E9-4941-8874- 0214C9DCB872. Ông T mở tài khoản Online bằng giấy tờ tùy thân là: 272433751 và hình ảnh có được lưu trên ECM để Giao kết hợp đồng điện tử với MB.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định giữa ông T với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (MB) có thỏa thuận với nhau về việc sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán, thẻ, dịch vụ ngân hàng.

Xét thấy, các bên giao kết hợp đồng tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, giao dịch dân sự sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán, thẻ, dịch vụ ngân hàng đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Nội dung thỏa thuận giao dịch dân sự giữa hai bên cụ thể, chi tiết tại văn bản “Điều khoản Điều kiện về sử dụng dịch vụ”.

[3.2] Quá trình sử dụng dịch vụ tài khoản thẻ, đêm ngày 26/01/2023 và ngày 27/01/2023, ông T có thực hiện 02 giao dịch thanh toán Online trên Facebook với số tiền lần lượt là 300 USD (tương đương 7.042.501 đồng) và 1.000 USD (tương đương 23.475.005 đồng) bằng thẻ VISA HYBRID.

Theo tài liệu sao kê Sổ phụ lục chi tiết kiêm báo nợ/báo có của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (MB) ngày 02/01/2024 thể hiện: Ngày 27/01/2023 tài khoản thanh toán của ông T bị trừ tiền vào tài khoản VND1142601310001 (không có thông tin của người thụ hưởng) thể hiện qua các bút toán sau:

Bút toán FT23027007917236, trừ **774,675đồng**, nội dung thanh toán: RetailVisa - 897440-1000- USD-3026151 43208;

Bút toán FT23027007917236, trừ 23,475,005 đồng, nội dung thanh toán: RetailVisa - 897440-1000- USD-3026151 43208;

Bút toán FT23027227435471, trừ **232,403 đồng**, nội dung thanh toán: RetailVisa - 897444-300- USD-30261572 6692;

Bút toán FT23027227435471, trừ 7,042,501đồng, nội dung thanh toán: RetailVisa 897444-300- USD-30261572 6692;

Theo ông T trình bày, mặc dù ông T không thực hiện bất kỳ giao dịch thanh toán Online hoặc tất toán tài khoản tiết kiệm hoặc thanh toán bằng tiền đô la Mỹ (USD). Số tiền 31.524.584 đồng trong tài khoản của ông T bị MB tự động trừ đi mà ông không thực hiện giao dịch, cũng không nhận được mã OTP xác thực theo quy trình giao dịch thông thường, nên ông T yêu cầu MB phải bồi thường.

Tuy nhiên, theo tài liệu bị đơn cung cấp thể hiện Facebook đã gửi chứng từ giao dịch giữa ông T và Facebook đã thực hiện thành công các giao dịch nói trên. Đối với 02 giao dịch trừ số tiền **774.675đồng** và **232.403 đồng** nói trên là khoản phí chuyển đổi ngoại tệ cho 02 giao dịch 300USD (tương đương 7.042.501 đồng) và 1.000 USD (tương đương 23.475.005 đồng).

Theo người đại diện bị đơn trình bày, giao dịch thanh toán được thực hiện bằng cách nhập thông tin trên thẻ như số Thẻ, CVV, Ngày hết hạn. Để giao dịch thành công bắt buộc chủ thẻ phải nhập số CVV là mã bảo mật mà chỉ có ông T mới biết mã bảo mật này để thực hiện giao dịch Online (MB là bên cung cấp dịch vụ thẻ cũng không biết mã bảo mật này). Các thông tin này được nằm trong A, chỉ có ông T mới đăng nhập được App MB BANK từ tài khoản của ông T để xem các thông tin thẻ VISA HYBRID. Khi ông T muốn xem thông tin thẻ này bắt buộc phải nhập mã OTP được gửi qua số điện thoại ông đã đăng ký là 0779717724.

Tại Điều 8 của Hợp đồng sử dụng dịch vụ kèm theo Điều khoản Điều kiện về sử dụng dịch vụ, quy định đối với dịch vụ thẻ, như sau: *“Khách hàng có trách nhiệm bảo mật PIN, số thẻ, các thông tin thẻ, Chủ thẻ và tài khoản thanh toán (TKTT) của Chủ thẻ, chịu trách nhiệm đối với các giao dịch thẻ của khách hàng. Trường hợp khách hàng sử dụng thẻ trên phương tiện điện tử (Internet, kênh điện tử khác...) để thanh toán, hàng hoá, dịch vụ khách hàng còn phải thực hiện theo quy định của MB điện tử”*.

Tại mục (vi) và (vii) Điều 10 của Hợp đồng sử dụng dịch vụ kèm theo Điều khoản Điều kiện về sử dụng dịch vụ, quy định về dịch vụ MB điện tử, như sau:

“(vi) Trường hợp khách hàng sử dụng dịch vụ MB điện tử thông qua bên thứ ba hoặc dựa trên nền tảng công nghệ và/ hoặc hạ tầng kỹ thuật và hoặc phần

mềm ứng dụng... của bên thứ ba (như Facebook, Z, V1... các trang phương tiện kênh phần mềm ứng dụng do bên thứ ba cung cấp khách hàng đồng ý trước khi thực hiện giao dịch phải tìm hiểu kỹ, nhận biết, hiểu rõ, chấp nhận các điều khoản, điều kiện do bên thứ ba cung cấp dịch vụ và đồng ý chịu các rủi ro có thể phát sinh về giao dịch khách hàng đã thực hiện, bảo mật các thông tin, yếu tố bảo mật trong quá trình đăng ký, sử dụng dịch vụ. Thông tin khách hàng và giao dịch của khách hàng có thể được bên thứ ba biết, lưu giữ và sử dụng theo quy định của bên thứ ba và MB không phải chịu trách nhiệm về việc bên thứ ba biết, lưu giữ, sử dụng thông tin này, thiệt hại (nếu có).

(vii) Trường hợp khách hàng thông qua ứng dụng MB điện tử để sử dụng sản phẩm dịch vụ của bên thứ ba được coi là khách hàng đề nghị và chấp thuận việc MB truyền dẫn thông tin, lệnh, chỉ thị của khách hàng tới bên thứ ba. Khách hàng tự chịu trách nhiệm đối với giao dịch với bên thứ ba theo lệnh, chỉ thị của khách hàng”.

Như vậy, theo các nội dung thoả thuận nêu trên thì các thông tin bảo mật thẻ và các giao dịch thanh toán, cũng như các rủi ro có thể phát sinh về các giao dịch trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ thì C thẻ là người phải tìm hiểu kỹ, nhận biết và tự chịu trách nhiệm về các giao dịch với bên thứ ba (như Facebook, Z, V1...). MB không phải chịu trách nhiệm nếu thiệt hại xảy ra.

[3.3] Qua tài liệu, chứng cứ bên bị đơn cung cấp thể hiện giữa ông T và trang mạng xã hội Facebook liên quan đến dịch vụ quảng cáo và F có gửi cho ông T bảng Facebook Điều khoản và Điều kiện dành cho quảng cáo trực tiếp qua tài khoản cá nhân, thể hiện giao dịch giữa ông T và Facebook đã thực hiện thành công các giao dịch nói trên, số tiền mà ông T nạp vào tài khoản quảng cáo không được hoàn lại *(theo điểm i mục 4 của Facebook Điều khoản và Điều)*. Mặt khác, qua tra soát giao dịch thẻ của ông T (tài liệu do ông Thuận sao K1 và MB cung cấp - Sổ phụ lục chi tiết kiêm báo nợ/báo có của M), cho thấy trước đó ông T cũng đã nhiều lần thực hiện giao dịch thanh toán tương tự thành công trên môi trường không gian mạng (cụ thể vào các ngày: 05/01/2023, 07/01/2023, 09/01/2023, 23/01/2023) và tại phiên tòa, ông T cũng thừa nhận là ông đã thực hiện các giao dịch thanh toán này bằng tài khoản của ông mở tại M để thanh toán quốc tế cho dịch vụ trò chơi Online qua mạng, nhưng ông T không có khiếu nại gì đối với các giao dịch này.

Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy các giao dịch dân sự do ông T thực hiện qua mạng xã hội Facebook nói trên, không thông qua nền tảng thương mại điện tử chính thức. Việc ông Thuận T4 thực hiện các giao dịch thanh toán bằng tài khoản của ông mở tại MB bằng hình thức Online qua mạng xã hội Facebook và bị trừ số tiền 31.524.584 đồng trong tài khoản của ông thì ông T phải tự chịu trách nhiệm. Do đó, ông T cho rằng trong khoảng thời gian đêm ngày 26/01/2023 và

ngày 27/01/2023, ông T không thực hiện bất kỳ giao dịch thanh toán Online nào là không có cơ sở.

Ngoài ra, ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh tài khoản của ông bị MB chuyển tiền trái với chỉ định của ông hoặc MB tự ý chuyển tiền từ tài khoản của ông T. Mặt khác, ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện giao dịch không phải do ông T thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (MB) không có lỗi trong việc cung cấp dịch vụ đối với các giao dịch thanh toán của ông T.

Do đó, ông T khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (MB) phải hoàn trả cho ông T số tiền 31.524.584 đồng và trả lãi suất của số tiền trên theo mức lãi suất không kỳ hạn tính từ ngày 26/01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm 4.435.000đ, công cộng 35.959.000đ (ông T làm tròn tổng cộng số tiền là 36.000.000đ) là không có cơ sở.

Căn cứ Điều 513, 517 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 12 Điều 4 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi năm 2017), Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông T đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (MB) là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Trần Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản tranh chấp không được chấp nhận: **36.000.000đ x 5% = 1.800.000đ**, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông T đã nộp 851.148đ (*T5 trăm năm mươi một nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng*), theo biên lai số 0004081 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (cũ) nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai. Do đó, buộc ông T phải nộp tiếp số tiền 948.852đ (*Chín trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng*).

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ **khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 266, 271, 273, 280** của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 513, 517 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 12 Điều 4 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi năm 2017);

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (M), về việc “*Tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán*”.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Trung T phải chịu án phí dân sự sơ 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông T đã nộp 851.148đ (*T5 trăm năm mươi một nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng*), theo biên lai số 0004081 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (cũ) nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai. Do đó, buộc ông T phải nộp tiếp số tiền 948.852đ (*Chín trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Hùng

